

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2024/HC-PT
Ngày 26 - 02 - 2024
V/v: Khởi kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Khánh;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hương Lê, Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đỗ Quyền, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 701/2023/TLPT-HC ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 79/2023/HC-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1273/2024/QĐ-PT ngày 01/02/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1981, có mặt;

Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện S, Thành phố Hà Nội;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D: Ông Nguyễn Ngọc T, Luật sư Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

* **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) và Chủ tịch UBND huyện S, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Quang N, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện S (theo văn bản ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 19/01/2024), có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. UBND xã M, huyện S, Thành phố Hà Nội, vắng mặt;

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
3. Bà Đào Thị T1, sinh năm 1949, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
4. Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1974, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
5. Ông Nguyễn Ngọc Q1, sinh năm 1976, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
6. Bà Nguyễn Thị Hương L, sinh năm 1979, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Đều cư trú: Thôn T, xã M, huyện S, Thành phố Hà Nội.

* *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Ngọc D, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/7/2012 UBND huyện S ban hành Quyết định 5170/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 5170) về thu hồi diện tích 116.10m² đất của gia đình ông Nguyễn Ngọc D. Ngày 31/7/2014 UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 4205d/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 4205d) Về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường nối từ cầu N đến sân bay N (tiểu dự án I: Km0+00:-Km7+850) địa phận thôn Đ, xã M (đất ở, đợt 23). Theo ông D UBND huyện S đã vi phạm pháp luật, xâm hại đến quyền về tài sản của gia đình ông; khi phá dỡ một phần căn nhà xây dựng trên đất của gia đình ông bị thu hồi đã phá dỡ cả phần còn lại của căn nhà ông nằm trên phần đất không bị thu hồi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một cách trái luật, nhưng không bồi thường toàn bộ diện tích nhà nằm ngoài chỉ giới giải phóng mặt bằng của gia đình ông theo quy định của pháp luật, mà chỉ hỗ trợ 10% giá trị căn nhà nằm ngoài diện tích bị thu hồi với một mặt sàn có diện tích 107,74m² với công trình bị phá dỡ là 03 sàn xây dựng. Không đồng ý với nội dung quyết định phê duyệt phương án bồi thường, ông Nguyễn Ngọc D đã có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện S; ngày 30/12/2014 Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 7577/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 7577) về việc giải quyết khiếu nại lần đầu. Theo đó, không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông. Không đồng ý với các quyết định hành chính nêu trên, ông Nguyễn Ngọc D khởi kiện đề nghị Tòa án hủy một phần Quyết định số 4205d/QĐ-UBND ngày 31/7/2014 của UBND huyện S Về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường nối từ cầu N đến sân bay N (tiểu dự án I: Km0+00:-Km7+850) địa phận thôn Đ, xã M (đất ở, đợt 23). Buộc UBND huyện S phải bồi thường giá trị xây dựng phần nhà có tổng diện tích 177m² nằm ngoài chỉ giới đất bị thu hồi.

Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày: Về nguồn gốc đất: Thửa đất số 14c thuộc Tờ bản đồ số 15, thôn T, xã M, huyện S, TP Hà Nội với diện tích 360m², ngày 29/12/2003 hộ ông Nguyễn Xuân L1 đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số 230/QSDĐ. Năm 2004 ông L1 (chết), đến ngày 03/8/2008 bà Đào Thị T1 (mẹ ông D) lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Ngọc D 120m². Khi gia đình ông xây dựng nhà không có cá nhân có thẩm quyền hay cơ quan thẩm quyền nào đến nhắc nhở lập biên bản xử phạt hành chính, đình chỉ xây dựng, nhưng không được bồi thường, nên ông khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét các nội dung trên.

Người bị kiện Chủ tịch và UBND huyện S trình bày: Thực hiện dự án Xây dựng đường nối từ cầu N đến sân bay N (Tiểu dự án 1: Km0+00-:- Km7+850). Ngày 01/01/2011, Công ty Cổ phần T2 đã lập hồ sơ kỹ thuật đối với thửa đất của hộ ông Nguyễn Ngọc D, số thửa đất 495, tờ bản đồ số 6, cụ thể: Tổng diện tích đất đang sử dụng: 171,4m² (120m² đất ở, 51,4m² đất UBND xã quản lý); diện tích đất bị thu hồi vĩnh viễn: 116,1m². Diện tích đất còn lại ngoài chỉ giới GPMB: 55,3m (3,9 m² đất ở, 51,4m² đất UBND xã quản lý). Nhà 04 tầng của hộ ông Nguyễn Ngọc D (tại thửa đất số 495) là công trình vi phạm, xây dựng công trình sau khi có quyết định thu hồi đất của dự án, đã bị UBND xã M biên bản xử lý vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng công trình từ ngày 20/01/2011. Nhà số 02 là nhà 04 tầng, hỗ trợ 10% đơn giá xây dựng mới (do là công trình vi phạm) đối với phần diện tích trong chỉ giới GPMB và bổ sung, hoàn trả mặt tiền (Theo quy định tại Điều 31, 34 Quyết định 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND Thành phố H).

Khi thực hiện thi công dự án, nhà 4 tầng của ông Nguyễn Ngọc D bị cắt xén, không đảm bảo kết cấu chịu lực, nên Tổ công tác đã lập biên bản kiểm tra hiện trường và biên bản phá dỡ công trình cắt xén không đảm bảo nên phần diện tích còn lại ngoài chỉ giới bị ảnh hưởng; trần mỏng rạn nứt, nhiều chỗ bị sập dầm bị gãy. Để đảm bảo an toàn các thành viên thống nhất yêu cầu nhà thầu, đơn vị thi công phá dỡ hết phần công trình còn lại đồng thời báo cáo HĐ GPMB huyện để lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định. Ngày 31/7/2014, UBND huyện S có Quyết định số 4205d/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ và tái định cư bổ sung ngoài các phần đã được phê duyệt (diện tích thu hồi, bồi thường bổ sung (đền dầm sung, chịu lực gần nhất), bồi thường hoàn trả mặt tiền) hộ ông D còn diện tích tầng 1, 2, 3 của nhà 2 mỗi tầng 107,296 m², tầng 4 diện tích 104,957m², (ngoài chỉ giới) được hỗ trợ 10% đơn giá quy định. Bởi vì, phần công trình ngoài chỉ giới GPMB dự án được xây dựng trên đất UBND xã quản lý, sau ngày 01/7/2004, có văn bản ngăn chặn của cơ quan Nhà nước.

Ngày 06/8/2014, ông Nguyễn Ngọc D có đơn khiếu nại gửi UBND huyện S. Ngày 25/8/2014, Ban bồi thường GPMB huyện làm việc với UBND xã M để xác minh, làm rõ, cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc D. Ngày 19/9/2014, UBND huyện tổ chức đối thoại về nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc D. Ngày 22/9/2014, Ban bồi thường GPMB huyện có báo cáo kết quả điều tra, xác minh giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc D. Để đảm bảo an toàn các thành viên thống nhất yêu cầu nhà thầu, đơn vị thi công phá dỡ hết phần công trình còn lại đồng thời báo cáo HĐ

GPMB huyện đề lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định. Ngày 02/7/2014, Hội đồng đã thống nhất giao Ban bồi thường GPMB lập phương án bồi thường, hỗ trợ toàn bộ nhà đối với 04 hộ thôn Đ, xã M, trong đó có hộ ông Nguyễn Ngọc D. Ngày 30/12/2014, Chủ tịch UBND huyện S có Quyết định số 7577/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc D.

Quan điểm của UBND huyện S đối với nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc D là không có cơ sở.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã M đã cung cấp tài liệu nhưng không có quan điểm giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị T1, Ông Nguyễn Ngọc Q, Ông Nguyễn Ngọc Q1, Bà Nguyễn Thị Hương L, Bà Nguyễn Thị H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc D.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 79/2023/HC-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai 2013. Căn cứ Quyết định 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND Thành phố H V/v ban hành quy định về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Căn cứ Điều 18, 21, 27, 28, 29, 36, 37, 38, 39 Luật Khiếu nại năm 2011; xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc D.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/5/2023 Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc D với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ông Nguyễn Ngọc D trình bày như sau: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội chưa đánh giá đúng nội dung và bản chất vụ án, xét xử không khách quan, không xem xét đến các chứng cứ ông đã cung cấp nên đã bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của người khởi kiện là trái pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Đất của gia đình ông đã sử dụng ổn định từ năm 1997 đến nay không có tranh chấp, năm 2003 được cấp GCNQSD đất; năm 2009 gia đình xây dựng nhà không bị cá nhân, cơ quan có thẩm quyền nào nhắc nhở, hoặc lập biên bản vi phạm hành chính; việc UBND xã M biên bản vi phạm hành chính gia đình ông hoàn toàn không biết; việc UBND huyện S cho rằng nhà số 02 gia đình xây dựng trên đất của UBND xã là không đúng.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông D sử dụng ổn định, đã được cấp

có thẩm quyền cấp GCNQSD đất, đến năm 2007 hộ ông D xây dựng nhà thứ nhất và năm 2009 xây dựng nhà thứ hai, đến cuối năm 2011 mới lập biên bản vi phạm hành chính là vi phạm pháp luật; quyết định thu hồi đất năm 2009 của UBND Thành phố H là quyết định tổng thể, còn quyết định thu hồi đất cụ thể của UBND huyện S đối với đất ông D là năm 2011; biên bản vi phạm hành chính được lập theo quyết định của UBND Thành phố H, hay theo quyết định của UBND huyện S trong khi quyết định thu hồi đất của UBND Thành phố H không giao cho các hộ dân, nên ông D không biết mình xây dựng trên đất công. Từ khi ông D xây dựng đến khi thu hồi đất sử dụng ổn định, nên khi thu hồi phần nằm ngoài chỉ giới thu hồi đất phải được bồi thường. Phía UBND huyện cho rằng nhà ông xây dựng sau khi có quyết định thu hồi đất là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông D, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc UBND huyện S bồi thường 100% giá trị tài sản theo đơn giá thu hồi đất.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông D là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến Kiểm sát viên và đương sự về giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là Quyết định số 4205d/QĐ-UBND ngày 31/7/2014 của UBND huyện S, Thành phố Hà Nội “Về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường nối từ cầu N đến sân bay N (tiểu dự án I: Km0+00-:-Km7+850) địa phận thôn Đ, xã M” (đất ở, đợt 23); đồng thời buộc UBND huyện S phải bồi thường giá trị xây dựng phần nhà có tổng diện tích 177m² nằm ngoài chỉ giới đất bị thu hồi. Đây là Quyết định hành chính cá biệt và hành vi hành chính của UBND cấp huyện về lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm là của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 30/12/2014

Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định 7577 về giải quyết khiếu nại đối với ông D, ngày 24/11/2015 ông Nguyễn Ngọc D có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án là đang trong thời hạn một năm, nên đang trong thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù người khởi kiện không yêu cầu xem xét các quyết định hành chính là các Quyết định 5170 về thu hồi đất; Quyết định 11670 về phê duyệt phương án bồi thường; Quyết định 7577 về giải quyết khiếu nại; nhưng đây là những quyết định hành chính có liên quan, nên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xem xét tính hợp pháp, tính có căn cứ của các quyết định này là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, hầu hết những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có yêu cầu xử vắng mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 158; khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

** Về nội dung vụ án:*

[3] Xét kháng cáo của phía người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai thể hiện, nguồn gốc đất hộ ông Nguyễn Ngọc D sử dụng là thửa đất số 495, tờ bản đồ số 6 diện tích 171,4m². Ngày 30/9/2011, UBND xã M có Xác nhận số 78M/XN-XNNGSĐĐ, v/v xác nhận về loại đất, nguồn gốc, thời điểm bắt đầu sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, xác định về tài sản trên đất: Tổng diện tích đất đang sử dụng: 171,4m² (120m² đất ở, 51,4m² đất UBND xã quản lý); Diện tích đất bị thu hồi vĩnh viễn: 116,1m²; diện tích đất còn lại ngoài chỉ giới GPMB: 55,3m² (3,9m² đất ở, 51,4m² đất UBND xã quản lý). Xét nguồn gốc sử dụng đất của ông D là được tặng cho theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được lập ngày 03/8/2008; theo hợp đồng này thì ông D chỉ được tặng cho diện tích 120m², nhưng diện tích thực tế ông sử dụng là 171,4m², phần diện tích vượt quá ông D không cung cấp được chứng cứ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp, nên việc UBND huyện S xác định như trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tài sản của ông D trên đất gồm:

Đối với các tài sản nằm trong chỉ giới thu hồi đất được lập phương án bồi thường, hỗ trợ bằng 100% giá trị khi thu hồi đất, ông Duy nhất t nên không có khiếu nại, khởi kiện gì đối với các tài sản trong chỉ giới thu hồi đất, nên không xem xét.

Đối với tài sản nằm ngoài chỉ giới thu hồi đất: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, nhà 04 tầng của ông Nguyễn Ngọc D được xây dựng tại

thửa đất số 495 là công trình xây dựng sau khi có quyết định thu hồi đất của dự án, ngày 20/01/2011 đã bị UBND xã M biên bản xử lý vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng công trình; ngày 22/01/2011 Chủ tịch UBND xã M ban hành Quyết định số 166/QĐ-UBND về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng, đồng thời cùng ngày Chủ tịch UBND xã M đã ban hành Quyết định số 167/QĐ-XPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong trật tự xây dựng đối với ông Nguyễn Ngọc D. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, tất cả các biên bản, các quyết định đều được tổng đạt tới ông Nguyễn Ngọc D với đầy đủ thành phần tham gia theo đúng quy định. Tuy nhiên, ông D không phối hợp cũng như không ký vào các biên bản làm việc, biên bản tổng đạt. Ông D cho rằng ông không được biết cũng như không làm việc với bất kỳ cá nhân nào về việc ông xây các công trình nêu trên là không có căn cứ. Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai thì phần công trình ngoài chỉ giới GPMB dự án được xây dựng trên đất UBND xã quản lý, ông Nguyễn Ngọc D cho rằng đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình, nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh nguồn gốc sử dụng đất; công trình được xây dựng sau ngày 01/4/2004, quá trình xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền ngăn chặn, nên chỉ được hỗ trợ 10% đơn giá xây dựng mới đối với phần diện tích trong chỉ giới GPMB và bổ sung, hoàn trả mặt tiền (Theo quy định tại Điều 31, 34 Quyết định 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND Thành phố H). Do khi thực hiện thi công dự án, nhà 4 tầng bị cắt xén, không đảm bảo kết cấu chịu lực. Ngày 07/5/2014, Tổ công tác và liên ngành đã tiến hành kiểm tra hiện trạng đối với công trình của hộ ông Nguyễn Ngọc D. Theo đó, trong quá trình tháo dỡ diện tích cắt xén trong chỉ giới GPMB của nhà 4 tầng do kết cấu yếu không đảm bảo nên phần diện tích còn lại ngoài chỉ giới bị ảnh hưởng; trần mỏng rạn nứt, nhiều chỗ bị sập dầm bị gãy. Để đảm bảo an toàn các thành viên thống nhất yêu cầu nhà thầu, đơn vị thi công phá dỡ hết phần công trình còn lại đồng thời báo cáo HĐ GPMB huyện để lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định. Do đó, ngày 31/7/2014, UBND huyện S có Quyết định số 4205d/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ và tái định cư bổ sung ngoài các phần đã được phê duyệt (diện tích thu hồi, bồi thường bổ sung (đền dầm sung, chịu lực gần nhất), bồi thường hoàn trả mặt tiền) hộ ông D còn diện tích tầng 1, 2, 3 của nhà 2 mỗi tầng 107,296 m², tầng 4 diện tích 104,957m², (ngoài chỉ giới) được hỗ trợ 10% đơn giá quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc D là có căn cứ.

[4] Xem xét các quyết định hành chính có liên quan:

[4.1] Quyết định 5170/QĐ-UBND ngày 02/7/2012 của UBND huyện S về việc thu hồi 116,10m² đất: Căn cứ quyết định của UBND Thành phố H về việc thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng đường nối từ cầu N đến sân bay N; đây là dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 38, 39 Luật Đất đai 2003 nên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất giao chủ đầu tư thực hiện dự án. Sau khi thực hiện các bước trình tự về thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật, UBND huyện S đã ban hành quyết định hành chính để thu hồi đất của gia đình ông D là đúng thẩm quyền và có căn cứ theo

quy định Điều 38 Luật Đất đai 2003, ông Duy nhất t với quyết định này và không khởi kiện.

[4.2] Quyết định số 11.670/QĐ-UBND ngày 28/12/2012; Quyết định số 4491/QĐ-UBND ngày 19/8/2013; Quyết định số 4860/QĐ-UBND ngày 06/9/2013; Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 18/9/2013; Quyết định số 6205/QĐ-UBND ngày 28/10/2013; Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 29/5/2014 về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường để thực hiện dự án, thấy: Xét thẩm quyền và trình tự, nội dung ban hành: UBND huyện S ban hành các quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với ông D. Bản tổng hợp phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng kèm theo Quyết định 11.670/QĐ-UBND ngày 28/12/2012, phương án chi tiết số 18 ngày 28/12/2012. UBND huyện S đã ban hành đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Điều 62, 66, 67, 69 Luật Đất đai năm 2013. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông Duy nhất t với quyết định trên và không khởi kiện.

[4.3] Xét Quyết định số 7577/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại lần đầu: Không đồng ý với nội dung Quyết định 4205d, ông Nguyễn Ngọc D đã có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện S. Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện S đã tiến hành thụ lý đơn khiếu nại, tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, đối thoại với người khiếu nại. Căn cứ vào kết quả xác minh, như đã phân tích ở trên thì việc khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc D không có căn cứ, nên Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 7577/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 18, 27, 28, 29, 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

Tổng hợp các phân tích trên, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ; quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã xem xét đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Ngọc D; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 79/2023/HC-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc D phải chịu 300.000đ án phí hành chính, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà ông D đã nộp tại biên lai thu tiền

tạm ứng án phí số 0001741, ngày 06/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội, xác nhận ông D đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- Cục THADS Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm